



**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC BỘ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Tên Chủ sở hữu: Bộ Khoa học và Công nghệ**

**Năm báo cáo: 2016**

**I. Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Phát triển công nghệ - Nead**

**1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

**a. Vốn chủ sở hữu: 6.432.491.966** đồng tăng 3,81% so với cùng kỳ năm 2015 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 257,94% so với cùng kỳ năm 2015.

Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

**b. Tổng tài sản: 495.179.273.293** đồng tăng 14,46% so với cùng kỳ năm 2015

**c. Lợi nhuận sau thuế: 2.369.327.318** đồng tăng 257,94% so với cùng kỳ năm 2015

**d. Hiệu quả sử dụng vốn:**

$$\begin{aligned}
 \text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu (Bình quân năm 2016)}} \\
 &= \frac{2.369.327.318}{6.432.491.966} \\
 &= 36,83\% \\
 \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản (Năm 2016)}}
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 &= \frac{2.369.327.318}{495.179.273.293} \\
 &= 0,478\%
 \end{aligned}$$

## 2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

### a. Tình hình đầu tư dự án:

- Công ty Nead thuần túy kinh doanh tư vấn chuyên giao công nghệ và đầu tư trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, công nghệ bức xạ; thi công lắp đặt các công trình khoa học, kỹ thuật dân dụng, điều hòa không khí, kỹ thuật lạnh, bức xạ; kinh doanh nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực: năng lượng hạt nhân, an toàn bức xạ, công nghệ sinh học; y tế, thiết bị; thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT); đào tạo hướng dẫn nghề nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm định bằng phương pháp không phá hủy (NDT) không có các dự án đầu tư lớn, vì vậy đầu tư tài sản vào các dự án là không có.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Trong năm 2016 Công ty Nead đã huy động vay vốn tại một số Ngân hàng thương mại để thực hiện dự án Nhà máy điện sinh khối thuộc Công ty CP đường Quảng Ngãi, toàn bộ số vốn đã thực hiện có hiệu quả, đến nay Công ty Nead đã trả nợ hết các vay trên cho Ngân hàng.

### c. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải trả:

- Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ, tình hình trích khấu hao tài sản đúng quy định của pháp luật.

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2016: **488.746.781.327** đồng. Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

$$\begin{aligned}
 \text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\
 &= \frac{491.066.224.458}{421.266.781.251} \\
 &= 1,166
 \end{aligned}$$

Như vậy, Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và ngắn hạn.

### 3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp: (Biểu số 02.C1, Biểu Số 02.Đ1 đính kèm)

a. Xu hướng biến động về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ, lượng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu: Không có

b. Xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính: Năm 2016, doanh thu đạt 740.478 triệu đồng chỉ đạt 247% so với kế hoạch năm (do ngành nghề kinh doanh nhập khẩu máy móc thiết bị nên các khoản thu của Công ty tập trung vào thời điểm cuối năm) và tăng 1267% so với cùng kỳ năm 2015 và tăng 2975% so với cùng kỳ năm 2014. Kết quả hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty đảm bảo hiệu quả thông qua chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 2.961 triệu đồng đạt 99% kế hoạch năm 2016.

c. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu (ROE)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận thực hiện}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$
	=	$\frac{2.961.659.148}{6.432.491.966}$
	=	46,04%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$
	=	$\frac{2.369.327.318}{6.432.491.966}$
	=	36,83%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản (Năm 2016)}}$
	=	$\frac{2.369.327.318}{495.179.273.293}$
	=	

$$= 0,478\%$$

d. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2016 của Công ty:

- Trong năm 2016, lượng tiền lưu thông trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.

- Lượng tiền mặt Công ty tạo ra đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

#### **4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu số 02.Đ1 đính kèm)**

Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ các luật, chính sách thuế của Nhà nước.

#### **5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật**

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các luật thuế, chính sách thuế của Nhà nước; luật Bảo hiểm xã hội, luật lao động và chính sách tiền lương đối với người lao động; đảm bảo 100% người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ. Trong năm 2016, công ty không xảy ra trường hợp nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

## **II. Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc**

### **1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

**a. Vốn chủ sở hữu: 328.591.178.205** đồng tăng 109% so với cùng kỳ năm 2015 do vốn góp của chủ sở hữu tăng từ 300.000.000.000 đồng lên 325.000.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 153% so với cùng kỳ năm 2015.

Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

**b. Tổng tài sản: 375.870.977.585** đồng tăng 102% so với cùng kỳ năm 2015

**c. Lợi nhuận sau thuế: 1.246.633.084** đồng tăng 179% so với cùng kỳ năm 2015

**d. Hiệu quả sử dụng vốn:**

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu (Bình quân năm 2016)}} \\ \text{chủ sở hữu (ROE)} &= \frac{1.246.633.084}{\text{Vốn chủ sở hữu (Bình quân năm 2016)}} \\ &= 1.246.633.084 \end{aligned}$$

	315.467.844.163
=	0,40%
=	Lợi nhuận sau thuế
=	Tổng tài sản (Bình quân năm 2016)
=	1.246.633.084
=	373.087.580.908
=	0,33%

**2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**  
(Biểu số 02.A2, Biểu số 02.B2 đính kèm)

a. Tình hình đầu tư dự án:

- Dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp: **Dự án Trung tâm quản lý và khai thác hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc:** Trình tự lập và phê duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản đúng quy định. Việc chấp hành trình tự đầu tư xây đúng theo quy định của pháp luật và đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư là 49.718.700.000 đồng, bằng nguồn vốn tự có; thời gian thực hiện tháng 12/2014 đến tháng 05/2016.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có

c. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ, tình hình trích khấu hao tài sản đúng quy định của pháp luật.

- Tình hình phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2016: 89.880.541.024 đồng

Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2016: 47.279.799.380 đồng.

Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

	=	Tài sản ngắn hạn
Khả năng thanh toán nợ đến hạn	=	Nợ ngắn hạn
	=	278.459.504.569

= 0,33%

d. Tình hình thực hiện sản phẩm công ích: (Biểu số 02D2 đính kèm)

Năm 2016 Công ty là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và duy tu sửa chữa bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu CNC Hòa Lạc. Doanh thu thực hiện là 3.700 triệu đồng.

đ. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2016 của Công ty:

- Trong năm 2016, lượng tiền lưu thông trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.

- Lượng tiền mặt Công ty tạo ra đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

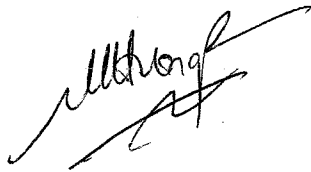
**4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu số 02.Đ2 đính kèm)**

Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ các luật, chính sách thuế của Nhà nước.

**5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật**

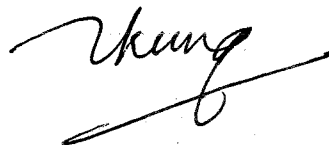
Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các luật thuế, chính sách thuế của Nhà nước; luật Bảo hiểm xã hội, luật lao động và chính sách tiền lương đối với người lao động; đảm bảo 100% người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ. Trong năm 2016, công ty không xảy ra trường hợp nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

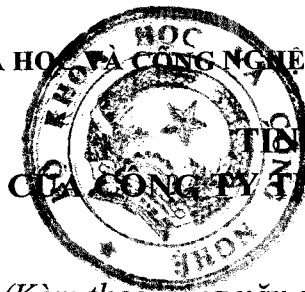


**Lê Thị Minh Hương**

**TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Đỗ Việt Trung**



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD

Đến ngày 31/12/2016

(Kèm theo công văn số 1651/BKHCN - TCCB ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Thực hiện năm 2016		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2016	Thực hiện 31/12/2016	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Kế hoạch năm 2016
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.888,0	58.436,0	300.000,0	740.478,0	2975%	1267%	247%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18,1	773,0	-	6		1%	
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.869,8	57.663,0	300.000,0	740.472,0	2977%	1284%	247%
4. Giá vốn hàng bán	12.587,3	33.725,0	250.000,0	659.909,0	5243%	1957%	264%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.282,5	23.938,0	50.000,0	80.563,0	656%	337%	161%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	182,7	1.981,0		3.453,0	1890%	174%	
7. Chi phí tài chính	1.003,1	1.178,0		8.404,0	838%	713%	
8. Chi phí bán hàng	6.468,8	18.272,0	40.760,0	65.411,0	1011%	358%	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.085,8	5.806,0	6.240,0	7.240,0	142%	125%	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(92,4)	663,0	3.000,0	2.961,0	-3205%	447%	99%
11. Thu nhập khác	200,5	207,0	-		0%	0%	
12. Chi phí khác	0,2	15,0	-		0%	0%	
13. Lợi nhuận khác	200,3	192,0	-		0%	0%	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107,9	855,0	3.000,0	2.961,0	2745%	346%	99%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23,7	190,0	600,0	592	2496%	312%	99%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-			-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	84,1	665,0	2.400,0	2.369	2816%	356%	99%

**GHI CHÚ:** Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.



**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016  
QUA CÔNG TY SINH MỘT THÀNH VIÊN ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - NEAD**

**Đến ngày 31/12/2016**

(Kèm theo công văn số 4653/BKHCN - TCCB ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
<b>1. Thuế</b>	<b>410</b>	<b>65.522</b>	<b>103.737</b>	<b>(36.827)</b>
- Thuế GTGT	82	64.785	102.511	(37.644)
- Thuế TNDN	143	458	662	347
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				
- Các khoản thuế thu nhập cá nhân	185	279	564	470
<b>2. Các khoản phải nộp khác</b>				
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
<b>3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phân lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định</b>				

**B-TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2016**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 13/12/2015 của Bộ Tài chính)

*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm đến 31/12/2016	Giảm trong năm	Dư cuối năm
<b>1. Quỹ Đầu tư phát triển</b>	<b>467,0</b>	<b>191,0</b>	<b>0,0</b>	<b>658,0</b>
<b>2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi</b>	<b>-27,0</b>	<b>402,0</b>	<b>22,2</b>	<b>353,0</b>
<b>3. Quỹ thưởng VCQLDN</b>		<b>44,0</b>	<b>0,0</b>	<b>44,0</b>
<b>4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của PL phải giải trình CSPL, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

*Ghi chú:* Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ





**PHƯƠNG ANH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

Kèm theo công văn số 1657/BKHCN - TCCB ngày 26. tháng 5. năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2016			Giải ngân đến ngày 31/12/2016			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 31/12 năm 2016	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 31/12/2016	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>A</b>	<b>Các dự án nhóm A</b>																	
<b>B</b>	<b>Các dự án nhóm B</b>																	
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu phần mềm - Khu CNC Hòa Lạc	517/CNCHL-HTĐT	310.938	77.735	25%	233.204	75%	2 năm				-	4.679	4.679	2.097	3.773	5.866	
<b>C</b>	<b>Các dự án khác</b>																	
1	Trung tâm quản lý và khai thác hạ tầng Khu CNC Hòa Lạc	08/2015/QĐ-HĐTV ngày 15/08/2015	49.409	49.409	100%	-		2 năm				39.188	10.221	49.409	9.463	35.090	44.499	
2	Trung tâm thương mại, dịch vụ và giới thiệu sản phẩm nội thất HHPD	141/QĐ-CNCHL	80.197	25.197	31,5%	55.000	68,5%	2 năm				-	319	319	-	319	319	

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Biểu số 02.Đ2**

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016  
CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

(Kèm theo công văn số 16/VBKHCN - TCCB ngày 28 tháng 5 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm 2015 chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm 2016	Số đã nộp trong năm 2016	Số còn phải nộp chuyển sang năm 2017
1. Thuế	597	1872,57	1660,67	809,3
Thuế GTGT	198,7	1.185,40	790,1	594
Thuế TNDN	153,7	317,7	333,7	137,8
Thuế Xuất, nhập khẩu	0	13,9	13,9	0
Thuế đất				
Các loại thuế khác	244,6	355,6	523,0	77,5
2. Các khoản phải nộp khác	0	17,121	17,121	0
Phí, lệ phí		17,1	17,1	
Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp Ngân sách nhà nước ( Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	0	0	0	0

**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2016**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm 2016	Tăng trong năm 2016	Giảm trong năm 2016	Dư cuối năm 2016
1. Quỹ Đầu tư phát triển	0	0	0	0
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	0	0	0	0
3. Quỹ thưởng VCQLDN	0	0	0	0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	0	0	0	0
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	0	0	0	0